

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2013

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 49/2010/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội về dự án, công trình quan trọng quốc gia trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 49/2010/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội về dự án, công trình quan trọng quốc gia trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 49/2010/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội về dự án, công trình quan trọng quốc gia trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị quyết số 49/2010/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội về dự án, công trình quan trọng quốc gia trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 49/2010/QH12); bao gồm: Hướng dẫn áp dụng tiêu chí

về vốn đầu tư (quy định tại Khoản 1 Điều 3 và Khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết số 49/2010/QH12) và về dự án, công trình đang trong quá trình triển khai thực hiện, phát sinh vấn đề thuộc tiêu chí dự án, công trình quan trọng quốc gia (quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Nghị quyết số 49/2010/QH12). Quy định về tổ chức và phương thức hoạt động của Hội đồng thẩm định nhà nước và cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định; thuê tư vấn thẩm tra và tính chi phí thẩm định, thẩm tra dự án, công trình quan trọng quốc gia; hồ sơ, thủ tục trình thẩm định dự án, công trình quan trọng quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tới các hoạt động đầu tư các dự án, công trình quan trọng quốc gia.

Chương II

HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG KHOẢN 1 ĐIỀU 3, KHOẢN 1 ĐIỀU 4 VÀ KHOẢN 3 ĐIỀU 10 CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 49/2010/QH12

Điều 3. Tiêu chí vốn đầu tư xác định dự án, công trình quan trọng quốc gia theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 và Khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết số 49/2010/QH12

Vốn đầu tư quy định tại Khoản 1 Điều 3 và Khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết số 49/2010/QH12 được tính theo thời giá tháng 6 năm 2010; các dự án, công trình khi xem xét đáp ứng tiêu chí về dự án, công trình quan trọng quốc gia phải quy đổi vốn đầu tư về thời điểm nêu trên theo Hệ số trượt giá.

Hệ số trượt giá được xác định theo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) do Tổng Cục Thống kê ban hành.

Điều 4. Dự án, công trình đang triển khai thực hiện, phát sinh vấn đề thuộc tiêu chí về dự án, công trình quan trọng quốc gia, theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Nghị quyết số 49/2010/QH12

1. Dự án, công trình đang trong quá trình triển khai thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Nghị quyết số 49/2010/QH12 là:

a) Dự án, công trình đã có quyết định đầu tư (đối với các dự án, công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước hoặc các nguồn vốn khác do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư theo quy định);

b) Dự án, công trình đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư (đối với các dự án, công trình không thuộc quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này).

2. Dự án đang trong quá trình triển khai thực hiện, phát sinh vấn đề thuộc tiêu chí dự án, công trình quan trọng quốc gia quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Nghị quyết số 49/2010/QH12 là: Sau khi Nghị quyết số 49/2010/QH12 có hiệu lực, các dự án, công trình đang trong quá trình triển khai thực hiện có sự thay đổi tăng lên của các nội dung thuộc dự án, công trình so với quyết định đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp, hoặc các quyết định điều chỉnh trước đó, mà các nội dung thay đổi này thuộc tiêu chí về dự án, công trình quan trọng quốc gia theo quy định tại Nghị quyết số 49/2010/QH12.

3. Các dự án, công trình đang trong quá trình triển khai thực hiện mà phát sinh vấn đề thuộc một trong các tiêu chí về dự án, công trình quan trọng quốc gia quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Nghị quyết số 49/2010/QH12 được tiếp tục triển khai thực hiện và chủ đầu tư phải báo cáo các vấn đề phát sinh lên người quyết định đầu tư đối với các dự án, công trình quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này; hoặc Bộ quản lý chuyên ngành và cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án, công trình quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này, để xem xét việc điều chỉnh dự án. Trình tự, thủ tục xem xét điều chỉnh dự án thực hiện theo quy định hiện hành như đối với quy mô dự án (nhóm dự án) trước khi điều chỉnh.

4. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với các dự án, công trình quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này hoặc Bộ quản lý chuyên ngành chính đối với dự án, công trình quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ để Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép về chủ trương trước khi điều chỉnh và chỉ đạo báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm về tình hình triển khai thực hiện dự án, trong đó có vấn đề phát sinh tiêu chí thuộc dự án, công trình quan trọng quốc gia.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC VÀ CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH

Điều 5. Tổ chức và nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định nhà nước

1. Hội đồng thẩm định nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập theo từng dự án, công trình có nhiệm vụ tổ chức thẩm định các dự án, công trình quan trọng quốc gia (Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và/hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi) để báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư hoặc trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư.

2. Hội đồng thẩm định nhà nước gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên khác của Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà

nước là Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc Lãnh đạo cơ quan khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định; Phó Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng là đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành, các cơ quan liên quan do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước. Số thành viên Hội đồng Thẩm định nhà nước phải là số lẻ để đảm bảo nguyên tắc biểu quyết theo đa số.

3. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thẩm định nhà nước chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về tổ chức thẩm định và các hoạt động thẩm định theo nhiệm vụ được giao, những ý kiến đánh giá kết quả thẩm định, kết luận và kiến nghị của Hội đồng thẩm định nhà nước về các nội dung của dự án, công trình quan trọng quốc gia.

4. Hội đồng thẩm định nhà nước xem xét, quyết định các vấn đề về quy chế làm việc, chương trình và kế hoạch công tác của Hội đồng và các vấn đề khác có liên quan trong quá trình thẩm định dự án, công trình quan trọng quốc gia.

5. Hội đồng thẩm định nhà nước làm việc theo chế độ tập thể dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng. Phiên họp Hội đồng thẩm định nhà nước được coi là hợp lệ khi có ít nhất 50% số thành viên tham dự (kể cả người được ủy quyền). Các ý kiến kết luận được thống nhất theo nguyên tắc đa số; riêng các kết luận cuối cùng thông qua các nội dung thẩm định dự án, công trình quan trọng quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phải được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng thẩm định nhà nước thông qua. Ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định nhà nước được lấy bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc bằng văn bản gửi đến Hội đồng.

6. Hội đồng thẩm định nhà nước tự giải thể sau khi hoàn thành công việc thẩm định theo quy định.

Điều 6. Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước

1. Xem xét phê duyệt quy chế làm việc của Hội đồng thẩm định nhà nước, kế hoạch thẩm định sau khi Hội đồng thẩm định nhà nước có ý kiến, quyết định triệu tập các cuộc họp Hội đồng thẩm định nhà nước, chủ trì các phiên họp, phân công trách nhiệm Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thẩm định nhà nước.

2. Quyết định thành lập Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành hoặc Tổ giúp việc Hội đồng tùy theo yêu cầu công việc.

3. Trong các trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng triệu tập và chủ trì các phiên họp Hội đồng thẩm định nhà nước hoặc báo cáo trước Chính phủ một số nội dung hoặc công việc do Phó Chủ tịch trực tiếp phụ trách.

4. Quyết định việc thuê và lựa chọn tư vấn thẩm tra dự án, công trình quan trọng quốc gia theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Nghị định này.

Điều 7. Trách nhiệm của Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước

1. Giúp Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo các hoạt động của Hội đồng; theo dõi và thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng phân công, có trách nhiệm báo cáo thường xuyên về tình hình và kết quả thực hiện của Hội đồng.

2. Giúp Chủ tịch Hội đồng xem xét, đánh giá các báo cáo chuyên môn và các hoạt động khác của Hội đồng để trình Thủ tướng Chính phủ.

Điều 8. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng thẩm định nhà nước

1. Xem xét có ý kiến về các nội dung thẩm định dự án, công trình quan trọng quốc gia trong các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ, cơ quan và địa phương do mình phụ trách và về những vấn đề chung của dự án, công trình quan trọng quốc gia.

2. Huy động nhân lực, phương tiện làm việc, cơ sở nghiên cứu thuộc quyền quản lý của mình để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng thẩm định nhà nước, trao đổi đóng góp ý kiến về các nội dung xem xét, thẩm định và biểu quyết các kết luận của Hội đồng thẩm định nhà nước khi cần thiết. Trường hợp đặc biệt không thể tham dự được, thành viên Hội đồng thẩm định nhà nước phải có ý kiến bằng văn bản, đồng thời ủy quyền cho đại diện tham dự. Ý kiến của đại diện được ủy quyền là ý kiến của thành viên ủy quyền.

Điều 9. Nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định nhà nước

Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định nhà nước là Bộ Kế hoạch và Đầu tư, có các nhiệm vụ sau:

1. Huy động bộ máy giúp Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước tổ chức công việc thẩm định dự án và các hoạt động chung của Hội đồng; phối hợp với các cơ quan liên quan, Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành, tư vấn thẩm tra để thực hiện các công việc thẩm định.

2. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự án, gửi hồ sơ dự án đến các thành viên Hội đồng, các cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Chuẩn bị các hợp đồng tư vấn thẩm tra, biên bản nghiệm thu hợp đồng và các chứng từ có liên quan khác để phục vụ việc thanh, quyết toán chi phí thẩm định và thẩm tra dự án, công trình quan trọng quốc gia.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước giao.

Điều 10. Nhiệm vụ của Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành

1. Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành là bộ phận được thành lập để giúp việc cho Hội đồng thẩm định nhà nước hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định